

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CHỦ ĐỀ: BẢN THÂN-TẾT TRUNG THU

Thời gian thực hiện: 3 tuần. Từ ngày 29/09 đến 17/10/2025

ST T	Độ tuổi	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục		Hoạt động giáo dục
			Chung	Riêng	
1. Lĩnh vực phát triển thể chất					
a) Phát triển vận động					
1	3	Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn	- Tập các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp: hô hấp; tay; lưng, bụng, lườn chân. - Hô hấp: Hít vào, thở ra. (gá gáy sáng, thổi nơ ` Tay: + ` Hai tay đưa lên cao, ra phía trước, sang 2 bên + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiểm soát chân.		* HĐH: Tập BTPT chung: - Hô hấp: Hít vào thở ra(gá gáy sáng, thổi nơ) ` Tay: + ` Hai tay đưa lên cao, ra phía trước, sang 2 bên + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiểm soát chân. - Lưng, bụng, lườn: + Quay sang trái, sang phải (5T: kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái) + Ngửa người ra sau (5T: kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái) - Chân: ` Đứng 1 chân đưa lên trước khụy gối. ` Chân đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau.
2	4	Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh	- Lưng, bụng, lườn: + Quay sang trái, sang phải (5T: kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái) + Ngửa người ra sau (5T: kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái)	` Võ 2 tay vào nhau (Phía trước, phía sau trên đầu). ` Đứng 1 chân đưa lên trước khụy gối ` Bật đưa chân sang ngang.	- HĐ chơi: Con thỏ, trời nắng trời mưa, gieo hạt, chi chi chành chành,... - Thể dục theo bài : Mời bạn ăn.
3	5	Trẻ thực hiện đúng, đủ, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp			
4	3	Trẻ có thể giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:	` Đi trong đường hẹp		- HĐH: Thể dục: Đi trong đường hẹp; đi trên ghế thể dục;

		` Đi trong đường hẹp			Đi trên ghế thể dục
5	4	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: ` Đi trên ghế thể dục	` Đi trên ghế thể dục (đầu đội túi cát		đầu đội túi cát. Trò chơi: Chuyển bóng
6	5	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: ` Đi trên ghế thể dục (đầu đội túi cát			
13	3	Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: Trườn theo hướng thẳng. Bật về phía trước		- Trườn theo hướng thẳng - Bật về phía trước	*HĐH: Thể dục: - Trườn theo hướng thẳng; Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30 cm TC: Mèo đuổi chuột Bật về phía trước, bật liên tục về phía trước, bật liên tục vào vòng Trò chơi: Lộn cầu vòng - HĐ chơi (TCM): + Chuyển bóng bằng chân + Tung bóng + Bạn đang nói về ai
14	4	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: ` Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30 cm - Bật liên tục về phía trước	Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30 cm - Bật liên tục về phía trước, - Bật liên tục vào vòng		
15	5	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: ` Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30 cm - Bật liên tục vào vòng			
16	3	Trẻ thực hiện được các vận động: ` Xoay tròn cổ tay. ` Gập, đan ngón tay vào nhau	` Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay.		- HĐchơi: - Góc XD: Xây khu vui chơi, xây công viên của bé,... - Góc nghệ thuật: Vẽ tô màu bạn trai bạn gái, lắp ghép các bộ phận còn thiếu,.. - Thực hành: Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay cổ tay, cuộn cổ tay.
17	4	Trẻ biết thực hiện được các vận động: ` Gập, mở, các ngón tay.	` Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi....		
18	5	Trẻ biết thực hiện được các vận động: ` Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay.` Gập,	` Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. ` Bẻ nắn.		

		mở lần lượt từng ngón tay.			
19	3	Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động. - Vẽ được hình tròn theo mẫu. - Tự cài, cởi cúc.		- Tô vẽ nguệch ngoạc.	- HĐC: - Góc học tập: Tô, đồ theo nét. - HĐ Lao động tự phục vụ: Cài, cởi cúc, kéo khoá (phéc mớ tuya), khâu, luồn, buộc dây
20	4	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt trong một số hoạt động: - Vẽ hình người. - Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.	- Cài, cởi cúc - Xé, tô - Khâu, luồn, buộc dây	- Vẽ hình.	TCTV: Kéo khóa, luồn dây; cởi cúc
21	5	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt trong một số hoạt động: - Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. - Tự cài, cởi cúc, khâu, luồn dây giày, cài quai dép, kéo khóa (Phéc mớ tuya)		- Tô, đồ theo nét. - Kéo khóa (Phéc mớ tuya), luồn buộc dây giày	

b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

22	3	Trẻ có thể nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...).	- Nhận biết một số thực phẩm (quen thuộc, thông thường trong các nhóm thực phẩm (Trên tháp dinh dưỡng))	- HĐC: Gia đình nấu ăn - HĐ ăn: Thực hành: Kể tên các món ăn hằng ngày: Ăn uống đầy đủ các chất, không kén chọn thức ăn, ăn hết xuất. - HĐ chiều: DDSK Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.	
23	4	Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm: - Thịt, cá, ...có nhiều chất đạm. - Rau, quả chín có nhiều vitamin.			
24	5	Trẻ biết lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: - Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá...	- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.		

		- Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả...			
28	3	Trẻ biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	` Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.</p> <p>` Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).		* HD ăn: ` Trẻ giới thiệu các món trước khi ăn * HD chiều: Trò chuyện với trẻ về các món ăn và thức ăn cung cấp chất dinh dưỡng cho trẻ, ăn uống như nào hợp lý.
29	4	Trẻ biết ăn để cao lớn, khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.			
30	5	Trẻ biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt để béo phì không có lợi cho sức khỏe.			
31	3	Trẻ có thể thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: ` Rửa tay, lau mặt, súc miệng. ` Tháo tất, cởi quần, áo....	` Làm quen cách/tập/tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt.</p> <p>` Tập/rèn luyện tạo tác/tập luyện kỹ năng: rửa tay bằng xà phòng. ` Đi vệ sinh đúng nơi quy định	` Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.	- HD lao động, vệ sinh: Thực hành: Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định RKN: Xếp dép gọn gàng RKN: Đi dép RKN: Xếp đồ dùng gọn gàng
32	4	Trẻ biết thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: ` Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. ` Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.			
33	5	Trẻ biết thực hiện được một số việc đơn giản: ` Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. ` Đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong toilet/giặt nước cho sạch			
34	3	` Trẻ biết sử dụng bát,	` Tập/ luyện kỹ năng sử dụng		- HD ăn:

		thìa, cốc đúng cách.	đồ dùng ăn uống	Tổ chức cho trẻ giờ ăn, uống hàng ngày.
35	4	` Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đồ thức ăn.		+ Quan sát và đàm thoại với trẻ về cách sử dụng một số đồ dùng đúng cách: ca, cốc bát, thìa, đĩa, chén
36	5	` Trẻ biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo		+ Thực hành: Sử dụng cốc uống nước, sử dụng bát, thìa trong khi ăn.
37	3	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: Uống nước đã đun sôi...	` Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.	TCTV: Lau bàn, quét nhà, hót rác
38	4	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: ` Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. ` Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... ` Không uống nước lã.		
39	5	Trẻ có một số hành vi và thói quen trong ăn uống: ` Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. ` Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. ` Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. ` Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường		
40	3	Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: ` Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. ` Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.	` Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. ` Nhận biết một số biểu hiện khi ốm (Cách phòng tránh đơn giản (4T), Nguyên nhân và cách phòng tránh (5T) ` Lựa chọn/ và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết.	- HĐ chơi: TC: Tôi vui tôi buồn: Thể hiện cảm xúc buồn khi ốm... - HĐ ăn, ngủ, vệ sinh: Thực hành vệ sinh răng miệng đánh răng, xúc miệng... Bảo vệ sức khỏe, an toàn khi có thời tiết thay đổi
41	4	Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh,	` Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết.	- Thực hành: rửa tay bằng xà phòng

		phòng bệnh khi được nhắc nhở: ` Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. ` Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt... ` Đi vệ sinh đúng nơi quy định. ` Bỏ rác đúng nơi quy định.		- TCTV: Cái mũ, đôi dép,.... HĐ chiều: Cô trò chuyện với trẻ khi ngủ dậy phải chải tóc gọn gàng, tắm rửa gội đầu...
42	5	Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: ` Vệ sinh răng miệng: Sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. ` Ra nắng đội mũ: Đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh. ` Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt... ` Che miệng khi ho, hắt hơi. ` Đi vệ sinh đúng nơi quy định. ` Bỏ rác đúng nơi quy định; không nhổ bậy ra lớp.		
55		Trẻ biết giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng	` Tập luyện kỹ năng: Giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng	

2. Lĩnh vực phát triển nhận thức

a) Khám phá khoa học

57	3	Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, sờ... để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Chức năng của các giác quan và một số/ các bộ phận khác của cơ thể.	- HĐH: KPKH: Cơ thể kỳ diệu của bé TCTV: Khứu giác, vị giác; thính giác,...
62	4	Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét		- HĐC: Xem tranh về cơ thể của bé.

		sự vật hiện tượng như kết hợp sờ nhìn, ngửi, nếm...để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.		
67	5	Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét cơ thể, bạn và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.		
b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán				
83	3	Trẻ quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng	` Đếm trên đối tượng/đếm trong phạm vi (2,6) và đếm theo khả năng. - Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi	- HĐ chơi: Góc học tập. Cùng cố kỹ năng đếm trong phạm vi 2, 6 và đếm theo khả năng. - HĐH: Tách, gộp nhóm có số lượng 2,6
84		Trẻ có thể đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 2		
85		Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 2 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.		
86	4	Trẻ quan tâm đến chữ số 2, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?...		
87		Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 6.		
88		Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 6 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.		
89	5	Trẻ biết quan tâm đến các con số như thích		

		nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?...		
90		Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 6 và đếm theo khả năng		
91		Trẻ biết so sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 6 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.		
92	4	Trẻ có thể sử dụng các số từ 1-2 để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 1-6	
93	5	Trẻ nhận biết các số từ 1-6 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.		
94	3	Trẻ biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 2.	` Gộp hai nhóm đối tượng và đếm. ` Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.	
95		Trẻ biết tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 2 thành hai nhóm.		
96	4	Trẻ biết gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 2, đếm và nói kết quả.		
97		Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.		
98	5	Trẻ biết gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 6 và đếm.	` Gộp/tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.	
99		Trẻ biết tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 6 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau.		
114	3	Trẻ có thể sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng	- Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân.	* HĐH: - Xác định vị trí đồ vật so với bản thân

		trong không gian và bản thân.		trẻ và so với bạn khác với một vật
115	4	Trẻ có thể sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	` Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau, phía trên - phía dưới, phía phải - phía trái). (với một vật nào đó làm chuẩn 5T)	nào đó: Phía trước - phía sau; phía trên phía dưới; phía phải phía trái.
116	5	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật làm chuẩn.		- TCTV: Phía trước - phía sau; phía trên phía dưới - Trò chơi: con thỏ

C) Khám phá xã hội

121	3	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân.	- HĐH: KPKH Cơ thể kỳ diệu của bé - HĐVC: TCM: Bạn đang nói về ai
122	4	Trẻ nói đúng họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	` Họ tên, tuổi/ ngày sinh, giới tính (nam, nữ), đặc điểm bên ngoài (Béo, gầy, cao, thấp...), sở thích của bản thân .	- HĐC: Cho trẻ giới thiệu về bản thân và đặc điểm bên ngoài của bản thân.
123	5	Trẻ nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.		- TCTV: Bạn trai, bạn gái,...

3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ

155	3	Trẻ nói rõ các tiếng: Trẻ dân tộc biết sử dụng tiếng Việt trong giao tiếp hằng ngày	` Phát âm các tiếng (của tiếng việt; có chứa các âm khó; có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu)	TCTV: Đền ông sao, đền rồng, cái trống, Mặt trăng, rước đèn, phá cỗ Đồi mát, một bàn tay, hai bàn tay. Rửa mặt, rửa tay, đôi chân. Gạo, ngô, khoai, thịt, cá, tôm, dầu ăn; Tập thể dục, rau, củ, quả, uống nước
156		Trẻ có thể sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...		
157	4	Trẻ nói rõ để người nghe có thể hiểu được.		
158		Trẻ biết sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm... Trẻ dân tộc biết sử dụng tiếng Việt trong giao tiếp hằng ngày		
159	5	Trẻ biết kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được. - Trẻ dân tộc có thể kể		

		rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được bằng tiếng việt.		
160		Trẻ sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm... phù hợp với ngữ cảnh. Trẻ người dân tộc thiểu số sử dụng đúng từ ngữ và câu bằng tiếng Việt trong giao tiếp hằng ngày.		
167	3	- Trẻ thuộc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao..chủ đề bản thân - tết trung thu	` Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi ` Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. ` Đọc thơ, cao dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.	*HĐHọc: - Đọc thơ: Ăn quả - Đồng dao: Chú cuội, nu na nu nống,... - Truyện: Gấu con bị đau răng
168	4			
169	5	Trẻ nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao trong chủ đề bản thân -tết trung thu		
170		Trẻ biết đọc biểu cảm bài thơ, cao dao, đồng dao.. trong chủ đề bản thân -tết trung thu		
171	3	Trẻ có thể kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	` Kể lại một vài tình tiết truyện đã được nghe.	
172	4	Trẻ có thể kể lại truyện có mở đầu và kết thúc.	` Kể lại truyện đã được nghe (Theo trình tự 5T)	
173	5	Trẻ biết kể lại chuyện đã được nghe theo trình tự nhất định		
197	5	Trẻ biết tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.	` Tập tô, tập đồ các nét chữ. ` Nhận dạng một số/các chữ cái. ` Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.	* HĐ học: - Tập tô: a,ă,â * HĐ Chơi: - Hoạt động chơi: + Làm vở toán. + Vẽ chữ cái, chữ số trên cát, xếp chữ cái bằng hạt gạo - HĐ góc: Góc học tập viết các chữ cái.
198		Trẻ nhận dạng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng việt.		

				Sao chép viết tên của mình
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội				
199	3	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính (nam, nữ), của bản thân.	` Tên, tuổi, giới tính	- HĐC: Bé giới thiệu về mình. - Trò chuyện với trẻ về giới tính; sở thích của bản thân,... - Thực hành xếp dọn đồ chơi ở các góc
200	4	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính (nam, nữ), của bản thân, tên bố, tên mẹ.		
201	5	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính (nam, nữ), của bản thân, tên bố, tên mẹ, địa chỉ nhà (bản,/xã/tỉnh) hoặc điện thoại.	Thực hiện thông qua nội dung khám phá xã hội (lĩnh vực PT nhận thức)	
202	3	Trẻ nói được điều bé thích, không thích.	` Những điều bé thích , không thích.	
203	4	Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	` Sở thích, khả năng của bản thân.	
204		Trẻ tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.		
205	5	Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được và việc bé không làm được.		
206		Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (Dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).		
214	3	Trẻ nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, tranh ảnh.	` Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (Vui, buồn, sợ hãi, tức giận/ngạc nhiên/ xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói /tranh ảnh/ âm nhạc	- HĐC: TC: Bạn đang nói về ai * HĐ chơi: + Trò chơi: Khuôn mặt của bé; tôi vui tôi buồn. + Trò chuyện xem tranh ảnh, video một số cảm xúc. + Thực hành trải
215	4	Trẻ nhận biết cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ qua tranh, ảnh.		
216	5	Trẻ nhận biết một số trạng thái cảm xúc:		

		(vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ...) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.		nghiệm một số cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ
220		Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.	` Mối liên hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.	
221		Trẻ có thể nói được khả năng và sở thích của bạn bè và người thân	` Khả năng và sở thích của bạn bè và người thân	

5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ

262	3	Trẻ chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc, thích nghe đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện về chủ đề bản thân.	- Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca)		- HDH: ĂN VTTN: Rước đèn dưới ánh trăng Nghe hát: Chiếc đèn ông sao TC: Ai nhanh nhất DH: Cái mũi NH Nắm tay thân thiết TC: Tai ai tinh VTTTC: Mời bạn ăn NH: Thật đáng chê TC: Ai Nhanh nhất
263	4	Trẻ chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc thích nghe và đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện về chủ đề bản thân	` Nghe và nhận ra/ nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca/ 5T: nhạc cổ điển)		
264	5	Trẻ chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện về chủ đề bản thân			` Nghe và nhận ra sắc thái (Vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc.
265	3	Trẻ biết hát tự nhiên, hát được giai điệu bài hát quen thuộc về chủ	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát.		- HDH: Hát bài: - Rước đèn dưới ánh trăng.

- HDH:
Hát bài: - Rước đèn dưới ánh trăng.

		đề bản thân.	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát trong chủ đề Bản thân	- Cái mũi - Mời bạn ăn
266	4	Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát cái mũi qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ...		
267	5	- Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát "cái mũi, chúc mừng sinh nhật" qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ.		
268	3	Trẻ có thể vận động vỗ tay theo lời ca bài hát "mời bạn ăn, rước đèn dưới ánh trăng.		* HDH: ÂN - NDTT: VTTN: Rước đèn dưới ánh trăng
269	4	Trẻ vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức VTTTTC: Mời bạn ăn VTTN: Rước đèn dưới ánh trăng	` 4-5T: Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của bài hát, bản nhạc. ` 3-4-5T: Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp; tiết tấu (4-5T).	TC: Ai nhanh nhất VTTTTC: Mời bạn ăn - TC: Ai nhanh nhất
270	5	- Trẻ vận động vỗ tay theo lời ca nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc VTTTTC: Mời bạn ăn VTTN: Rước đèn dưới ánh trăng		
271	3	Trẻ có thể sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	` Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm.	- HDH: Tạo hình Vẽ bạn trai bạn gái. (ĐT) - HDC:
272	4	Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.		Góc nghệ thuật: Trẻ sử dụng các kỹ năng vẽ về bản thân, đồ chơi tết trung thu
273	5	Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.	` Phối hợp/ lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, (5T: phế liệu) để tạo ra các sản phẩm.	

274	3	Trẻ có thể vẽ các nét thẳng, xiên, ngang tạo thành bức tranh vẽ bạn trai bạn gái.	` Sử dụng một số kỹ năng/ sử dụng các kỹ năng/ phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm đơn giản/ có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét/ 5T: bố cục	
275	4	Trẻ biết vẽ phối hợp được các nét xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh vẽ bạn trai bạn gái có màu sắc và bố cục.		
276	5	Trẻ phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh bạn trai bạn gái có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối		
280	3	Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹp đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	` Sử dụng một số kỹ năng/ phối hợp các kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm đơn giản/ có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét/ 5T: bố cục	* HĐ chơi: + Nặn hình người; Các bộ phận cơ thể + Nặn quần áo, mũ, hoa quả...
281	4	Trẻ biết làm lồi, lõm, dẹt, bẹt, bẻ, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết		
282	5	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.		

Tổng số mục tiêu: 106 mục tiêu.

II. Chuẩn bị

- Khăn lau, xô chậu, xà phòng
- Thẻ đục: Ghế thẻ đục, túi cát, quả bóng, chiếu, rổ đựng bóng
- Tranh ảnh minh họa về thơ, truyện: ăn quả, truyện gấu con bị sâu răng, tranh ảnh có hình ảnh về bản thân, giấy, kéo, keo dán
- Các nhóm đồ dùng đồ chơi có số lượng 2- 6 thẻ số 2-6
- Thẻ chữ cái a, ă, â tranh ghép từ, vở tô đồ các nét.
- Xắc xô, phách, trống; Giấy vẽ, bút sáp, bàn ghế, kệ tranh, giá treo tranh.
- Bộ đồ chơi cô giáo sách bút, bảng phấn; Bộ xây dựng lắp ghép, cây cảnh

III. Mở chủ đề

- Cô cùng trẻ trang trí những bức tranh về chủ đề bản thân, cô giới thiệu chủ đề mới.
- Trò chuyện đàm thoại với trẻ về chủ đề mới

- Trong khi trò chuyện, đàm thoại với trẻ cô khuyến khích trẻ trả lời hoặc đưa ra những câu hỏi về những vấn đề liên quan.
- Sử dụng câu đố, tranh thơ truyện với nội dung phù hợp để dẫn dắt trẻ vào chủ đề.
- Thông báo với phụ huynh về nội dung chủ đề bản thân, huy động phụ huynh cùng thu thập phế liệu đồ dùng đồ chơi cho trẻ hoạt động.

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
(Ký duyệt)

NGƯỜI LẬP

Quàng Thị Khuyên

Lò Thị Hào